TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-DS	*Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp không gian, tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt";

Căn cứ vào thông báo về nội dung hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Quận H, TP Đà Nẵng vắng mặt tại phiên hòa giải.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Đồng thời đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân Quận H, TP Đà Nẵng nhận được Thông báo về nội dung hòa giải thành vào ngày 24 tháng 01 năm 2019 nhưng không có ý kiến phản đối về sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đăng M, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Bích D - sinh năm 1958; Cùng Địa chỉ: K30/7 đường H, tổ 31 mới, phường T, quận H, thành phố Đ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Hữu L, sinh năm1963. Luật sư VPLS M thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1948. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Số 40 (số 22 cũ) đường H, tổ 31, phường T, quận H, thành phố Đ theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Uỷ ban nhân dân quận H, thành phố Đ, địa chỉ: số 270 đường T, quận H, thành phố Đ.

2. Ông Nguyễn Đình V - sinh năm: 1975; ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1977, ông Nguyễn Đình T - sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị Vy V - sinh năm 1993, ông Nguyễn S - sinh năm 1915; cùng địa chỉ số: 40 đường H, tổ 31, phường T, quận H, thành phố Đ. Ông N, ông T, bà V và ông S cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Đình V tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2018.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

Công nhận bờ tường rào xây gạch chiều cao tính từ mặt đất là 3m, chiều rộng (độ dày bức tường) là 0,11m, dài 6,039m tại K30/7 đường H, tổ 31 mới, phường T, quận H, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Trần Đăng M, bà Nguyễn Thị Bích D.

Khi nhà ông M bà D xây dựng nhà, hộ bà Nguyễn Thị L (Bao gồm bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình V; ông Nguyễn Đình N, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Vy

V, ông Nguyễn S do ông Nguyễn Đình V làm đại diện theo ủy quyền) tự nguyện tháo dỡ ống thoát nước bằng nhựa có phi 49 và máng xối (có chiều dài 5,5m, chiều rộng 3cm là chiều rộng phía đông nhà bà Lự, phần giáp với nhà ông Mạnh là 5,09m) giao trả phần không gian gắn liền với 0,66m^2 đất (6,039 x 0,11 = 0,66m^2) tại K30/7 đường H, tổ 31 mới, phường T, quận H, thành phố Đ có tứ cận đông giáp nhà ông M, tây giáp nhà bà L, nam giáp nhà ông B (bà Loan), bắc giáp nhà bà L cho ông Trần Đăng M và bà Nguyễn Thị Bích D sử dụng. (Có sơ đồ cụ thể kèm theo). Trước khi xây dựng nhà, ông M bà D đồng ý để ông V tô da tường nhà của ông V (không phải bờ tường ông V công nhận) để chống thấm (độ dày 01cm).

Ông V đồng ý điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 639166 (có diện tích 302,7m^2) tại thửa số 1, tờ bản đồ số 18 do UBND Quận H cấp ngày 12/10/2009 cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình Tr (chết) để công nhận 0,66m^2 gắn liền với bức tường rào xây gạch chiều cao tính từ mặt đất là 3m, chiều rộng (độ dày bức tường) là 0,11m, dài 6,039m thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Trần Đăng M và bà Nguyễn Thị Bích D.

Ông M, bà D tự nguyện hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị L số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để tháo dỡ máng xối, ống nước. (Ông V và vợ chồng ông M, bà D đã giao nhận đủ số tiền trên vào ngày 24/01/2019).

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản của từng hộ cho phù hợp với diện tích đất thực tế theo đúng quy định của pháp luật về Đất đai.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.500.000đồng, ông M, bà D tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

Chi phí thẩm định giá tài sản: 3.000.000đồng, ông M, bà D tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

Chi phí giám định: 7.000.000đồng, ông M, bà D tự nguyện chịu. (Đã nộp và chi xong).

Án phí dân sự sơ thẩm: 150.000đồng ông M, bà D tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 001504 ngày 31/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ông M, bà D 150.000đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THA DS TP Đà Nẵng
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bé